TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 612/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh
2. Ông Lâm Hoàng Tuấn

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Quốc Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1761/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoài H1, sinh năm 1968
Địa chỉ: X đường B, Phường C, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh H2, sinh năm 1976 (Vắng mặt)
Địa chỉ: X đường B, Phường C, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2018 và các lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài H1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Ông và bà H2 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Qúa trình chung sống có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000 (đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005

Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn. Năm 2017, ông đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh và sau đó đã rút đơn vì để cố gắng hòa giải nhưng đến nay vẫn không hòa giải hàn gắn được tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà H2.

-Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000(đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005.

Ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên: Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H1 không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí ly hôn 300.000đồng, ông H1 đóng theo quy định.

2. Đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh H2-Vắng mặt: Căn cứ Bản khai ngày 30/10/2018 bà H2 trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoài H1 kết hôn vào tháng 11/2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận B và có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000 (đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005. Trong quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì để dẫn đến ly hôn. Vì vậy, theo yêu cầu đơn phương ly hôn của ông Nguyễn Hoài H1 đối với bà, bà không đồng ý. Lý do trình bày tại tờ trình gởi Tòa án ngày 16/10/2018 như sau:

Việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến: Sức khỏe và tinh thần của cha mẹ 02 bên nội ngoại; Tinh thần và tương lai của 02 con: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh năm 2000 (mới bước chân vào đại học); Nguyễn Ngọc Hoài S sinh năm 2005 (đang ở tuổi dậy thì); Danh dự, uy tín và các mối quan hệ xã hội của chồng. Qua những lý do trên, bà mong muốn Tòa án xem xét để đưa ra quyết định đáng đắn nhất giúp cho gia đình bà có được cuộc sống ổn định, yên vui.

3.Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoài H1 vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H2, yêu cầu được nuôi con chung tên: Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005, không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh H2 đã được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Phần tranh luận:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoài H1 không tranh luận gì thêm.

5. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.Về án phí ly hôn, ông H1 đóng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về Ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn bà Trần Thị Thanh H2 có hộ khẩu thường trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục:

Bị đơn bà Trần Thị Thanh H2 đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

3.*Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số xx/1998 quyển số 01 ngày 31/8/1998 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ giữa ông Nguyễn Hoài H1 và bà Trần Thị Thanh H2 là quan hệ Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 1 Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ bản khai ngày 27/9/2018, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/3/2019 và lời trình bày tại phiên tòa ông H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn, nên ông H1 yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà H2.

[3.2] Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ vào các ngày 28/11/2018, ngày 24/01/2019, ngày 19/3/2019 nhưng bà H2 không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều này cho thấy bà H2 không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình hạnh phúc, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"1.Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.."

Xét thấy, cuộc sống chung giữa ông H1 và bà H2 đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông H1 với bà H2 là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Đối với nguyện vọng xin được đoàn tụ của bị đơn bà Trần Thị Thanh H2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình số 2711/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Năm 2017, ông H1 đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nhưng sau đó rút đơn để tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, Tòa án đã mời các bên đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng bà H2 không đến Tòa để tham gia hòa giải, điều này cho thấy bà H2 không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình hạnh phúc. Vụ án

thụ lý từ tháng 9/2018 đến nay hơn 07 tháng là khoảng thời gian dài để bà H2, ông H1 suy nghĩ, cân nhắc về tranh chấp ly hôn. Nhưng ông H1 vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H2 không còn. Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà H2 và ông H1 không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà H2 không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về con chung: Giữa ông H1 và bà H2 có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000(đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005.

Tại phiên tòa yêu cầu của ông H1 là được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005. Căn cứ bản tự khai ngày 18 tháng 3 năm 2019 của trẻ Nguyễn Ngọc Hoài S có nguyện vọng được ở với ông H1 sau khi ông H1 bà H2 ly hôn, đối với trẻ Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000 đến thời diểm xét xử trẻ đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhận thấy, cháu Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005 là con trai và có nguyện vọng được ở với ông H1. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ nên yêu cầu của ông H1 được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/2005 là phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

[3.6] Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.7] Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án; thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu của nguyên đơn. Do đó, ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hoài H1:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoài H1 được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H2.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Ngọc Hoài N, sinh ngày 06/12/2000 (đã trưởng thành); Nguyễn Ngọc Hoài S, sinh ngày 21/02/20053.

1.3. Về cấp dưỡngng nuôi con: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu bà H2 cấp dưỡng nuôi con.

Bà H2 được quyền đến thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con. Vì quyền lợi của con khi cần thiết đôi bên được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng ông Nguyễn Hoài H1 phải đóng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H1 đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005405 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Ông H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H2 được quyền kháng cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ…

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng